

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXVII

Phẩm 12: BỒ TÁT CA DIẾP 5

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, Phật tánh của chúng sinh giống như hư không. Thế nào gọi là như hư không?

–Này thiện nam! Tánh của hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Phật tánh cũng như vậy. Này thiện nam! Hư không chẳng phải quá khứ. Vì sao? Vì không có hiện tại. Nếu có pháp hiện tại thì mới có thể nói quá khứ; vì không có hiện tại nên không có quá khứ, cũng không có hiện tại. Vì sao? Vì không có vị lai. Nếu có pháp vị lai thì mới có thể nói hiện tại; vì không có vị lai, nên không có hiện tại, cũng không có vị lai. Vì sao? Vì không có hiện tại và quá khứ. Nếu có hiện tại và quá khứ thì có vị lai; vì không có quá khứ và hiện tại nên không có vị lai. Do nghĩa này nên tánh của hư không chẳng phải thuộc về ba đời. Này thiện nam! Vì hư không không có nên không có ba đời, chẳng vì có nên không có ba đời. Như hoa đốm hư không, chẳng phải là có nên không có ba đời. Hư không cũng vậy, chẳng phải là có nên không có ba đời. Này thiện nam! Không vật chính là hư không. Phật tánh cũng vậy. Này thiện nam! Vì hư không không nên chẳng thuộc về ba đời. Phật tánh là thường nên chẳng thuộc về ba đời.

Này thiện nam! Như Lai đã chứng được Bồ-đề vô thượng, tất cả các pháp Phật và Phật tánh của Như Lai thường hằng không biến đổi. Do nghĩa này nên không có ba đời giống như hư không. Này thiện nam! Vì hư không là không nên chẳng phải trong, chẳng phải ngoài; Phật tánh là thường nên chẳng phải trong, chẳng phải ngoài.

Vì vậy nên nói Phật tánh giống như hư không. Đây thiện nam! Như trong thế gian chỗ không chướng ngại gọi là hư không. Đức Như Lai đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, đối với tất cả các pháp Phật đều không có chướng ngại, nên nói Phật tánh giống như hư không. Do nhân duyên này nên Ta nói Phật tánh giống như hư không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật tánh và Niết-bàn của Như Lai chẳng thuộc về ba đời mà gọi là có, hư không cũng chẳng thuộc về ba đời sao không được gọi là có?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Vì chẳng phải Niết-bàn gọi là Niết-bàn, vì chẳng phải Như Lai gọi là Như Lai, vì chẳng phải Phật tánh gọi là Phật tánh. Thế nào gọi là chẳng phải Niết-bàn? Nghĩa là tất cả pháp phiền não hữu vi, vì phá trừ phiền não hữu vi như vậy nên gọi là Niết-bàn. Chẳng phải Như Lai là hàng Nhất-xiển-đề cho đến Phật-bích-chi, vì phá trừ Nhất-xiển-đề v.v... cho đến Phật-bích-chi như vậy nên gọi là Như Lai. Chẳng phải Phật tánh là tất cả các vật vô tình như: tường, vách, ngói, đá, xa lìa các vật vô tình như vậy nên gọi là Phật tánh. Đây thiện nam! Tất cả thế gian đều tiếp xúc với hư không ở trong hư không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế gian cũng đều tiếp xúc với bốn đại, mà vẫn gọi bốn đại là có, nhưng đều tiếp xúc với hư không, sao hư không không được gọi là có?

Phật dạy:

–Đây thiện nam! Nếu nói Niết-bàn chẳng thuộc ba đời mà hư không cũng vậy, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì Niết-bàn là có, thấy được, chứng được, là dấu vết chướng cú của sắc, là hữu, là tướng, là duyên, là nơi nương tựa, là bờ bên kia an ổn vắng lặng sáng trong. Vì vậy nên gọi là chẳng phải thuộc về ba đời. Tánh của hư không chẳng có các pháp như vậy nên gọi là không. Nếu có cái xa lìa các pháp như vậy mà lại có pháp thì nên thuộc về ba đời. Hư

không nếu đồng với pháp có đó thì không thể không lệ thuộc ba đời. Đây thiện nam! Như người đời cho rằng hư không là không sắc, không đối, không thể nhìn thấy. Nếu không sắc, không đối, không thể nhìn thấy thì chính là tâm sở pháp. Hư không nếu đồng với tâm sở pháp thì không thể không lệ thuộc ba đời. Nếu lệ thuộc ba đời tức là bốn ấm. Vì vậy nên xa lìa bốn ấm rồi thì không có hư không. Lại nữa, đây thiện nam! Các nhà ngoại đạo nói: Hư không chính là ánh sáng. Nếu là ánh sáng tức là sắc pháp, hư không nếu là sắc pháp thì tức là vô thường, vì vô thường nên lệ thuộc ba đời, vậy sao ngoại đạo lại nói chẳng phải ba đời? Nếu đã lệ thuộc ba đời thì chẳng phải là hư không, cũng có thể nói hư không là thường. Đây thiện nam! Lại có người nói hư không là chỗ trụ. Nếu có chỗ trụ tức là sắc pháp, mà tất cả chỗ đều là vô thường, lệ thuộc ba đời, hư không cũng là thường, chẳng phải lệ thuộc ba đời. Nếu nói là chỗ thì biết rằng không có hư không.

Lại có thuyết cho rằng hư không là thứ lớp. Nếu là thứ lớp tức là pháp số. Nếu là có thể tính đếm được tức là lệ thuộc ba đời, nếu lệ thuộc ba đời thì sao lại gọi là thường?

Này thiện nam! Lại có thuyết nói hư không chẳng xa lìa ba pháp. Một là không, hai là thật, ba là thật không. Nếu nói là không thì nên biết rằng hư không là pháp vô thường. Vì sao? Vì không có chỗ thật. Nếu là thật thì nên biết hư không cũng là vô thường. Vì sao? Vì không có trong hai chỗ. Vì vậy nên hư không gọi là không. Đây thiện nam! Như nói hư không là pháp có thể làm ra, như nói bỏ cây bỏ nhà mà làm hư không, san bằng làm hư không, che hư không, lên hư không, vẽ sắc hư không, như sắc nước biển lớn. Vì vậy hư không là pháp có thể làm ra. Tất cả các pháp làm ra đều là vô thường giống như ngói, bình v.v... Hư không nếu như vậy thì phải là vô thường.

Này thiện nam! Người đời nói trong tất cả các pháp chỗ không bị chướng ngại, gọi là hư không. Chỗ không chướng ngại này đối với tất cả các pháp là có đầy đủ hay là có từng phần? Nếu có đầy đủ thì nên biết rằng những chỗ khác không có hư không. Nếu có từng phần thì pháp kia và pháp đây có thể tính đếm. Nếu đã là tính đếm được

thì nên biết là vô thường. Nay thiện nam! Nếu có người nói hư không là không chướng ngại cùng với có hợp. Lại nói rằng hư không ở nơi sự vật như trái cây ở trong đồ đựng. Hai thuyết trên đều không đúng. Vì sao? Vì nếu nói cùng hợp thì có ba thứ: một là nghiệp khác nhau mà cùng hợp, như chim bay đậu trên cây, hai là cộng nghiệp mà cùng hợp, như hai con dê đụng nhau, ba là đã hợp rồi lại cùng hợp, như hai đôi ngón tay hợp lại một chỗ. Nếu nói nghiệp khác nhau cùng hợp khác nhau thì có hai: một là nghiệp sự vật, hai là nghiệp hư không. Nếu nghiệp hư không hợp với nghiệp sự vật, thì hư không là vô thường. Nếu nghiệp sự vật hợp với hư không, thì sự vật không cùng khắp. Như đã không cùng khắp thì cũng là vô thường. Nếu nói hư không là thường thì tánh không lay động của nó cùng với vật động. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu hư không là thường thì sự vật lẽ ra cũng là thường. Nếu vật là vô thường thì không cũng vô thường. Nếu nói hư không cũng là thường cũng là vô thường thì điều này không thể có. Nếu cộng nghiệp hợp thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hư không là cùng khắp. Nếu cùng với nghiệp hợp thì lẽ ra nghiệp cũng cùng khắp; nếu là cùng khắp thì phải khắp tất cả, nếu khắp tất cả thì phải hợp tất cả, không nên nói là có hợp cùng không hợp. Nếu đã nói hợp cùng với hợp, như hai ngón tay hợp thì nghĩa này cũng không đúng. Vì sao? Vì trước không có hợp, sau mới có hợp, trước không mà sau có là pháp vô thường. Cho nên không được nói hư không đã hợp rồi lại cùng hợp. Như pháp thế gian trước không sau có là vật vô thường; nếu hư không cũng như vậy thì lẽ ra cũng vô thường. Nếu nói hư không ở nơi sự vật như trái ở trong đồ đựng, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì khi chưa có đồ đựng thì hư không kia ở chỗ nào? Nếu có chỗ ở thì có nhiều hư không. Đã là nhiều sao lại nói là thường, là một, là cùng khắp. Giả sử hư không lìa hư không mà có chỗ ở, thì sự vật cũng lẽ ra lìa hư không có chỗ ở. Vì vậy nên biết rằng không có hư không. Nay thiện nam! Có thuyết cho rằng chỗ ngón tay ở gọi là hư không, thì nên biết hư không là pháp vô thường. Vì sao? Vì ngón tay có bốn phương hướng. Nếu có bốn phương thì nên biết hư không cũng có bốn phương, tất cả các pháp thường đều không phương sở, do có phương sở nên hư không là

vô thường. Nếu là vô thường thì không xa lìa năm ấm, nếu lìa năm ấm thì không có gì hết. Nay thiện nam! Nếu có pháp từ nơi nhân duyên mà trụ thì pháp đó gọi là vô thường. Nay thiện nam! Ví như tất cả chúng sinh, cây cối đều nhờ đất mà trụ, vì đất là vô thường nên những vật nhờ đất cũng lần lượt vô thường. Nay thiện nam! Như đất nung vào nước, mà nước vô thường nên đất cũng vô thường; như nước nung vào gió, mà gió vô thường nên nước cũng vô thường; gió nung vào hư không mà hư không cũng vô thường nên gió cũng vô thường. Nếu là vô thường sao lại nói hư không là thường cùng khắp tất cả các chỗ? Vì hư không là không nên chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai; như sừng hổ là vật không có nên chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì vậy nên Ta nói Phật tánh là thường, chẳng lệ thuộc ba đời. Vì hư không là không nên chẳng nhiếp trong ba đời. Nay thiện nam! Ta không bao giờ tranh cãi cùng với thế gian. Vì sao? Vì người trí nói có, Ta cũng nói có; người trí nói không, Ta cũng nói không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát phải đầy đủ bao nhiêu pháp mới không tranh cãi với thế gian, không bị thế gian làm ô nhiễm?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Đại Bồ-tát đầy đủ mười pháp thì không tranh cãi với thế gian, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Những gì là mười? Một là tín tâm, hai là có giới, ba là gần gũi bạn lành, bốn là trong tâm khéo tư duy, năm là đầy đủ tinh tấn, sáu là đầy đủ chánh niệm, bảy là đầy đủ trí tuệ, tám là đầy đủ chánh ngữ, chín là ưa thích chánh pháp, mười là thương xót chúng sinh. Nay thiện nam! Bồ-tát đầy đủ mười pháp như vậy thì không tranh cãi với thế gian, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm, như hoa Ưu-bát-la.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, người trí nói có thì Ta cũng nói có, người trí nói không thì Ta cũng nói không. Những gì là người trí nói có và không?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu người trí nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã cho đến thức cũng như vậy thì, này thiện nam! Đó gọi là người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Này thiện nam! Người trí thế gian nói sắc không có thường, lạc, ngã, tịnh; thọ, tưởng hành, thức cũng lại như vậy thì, này thiện nam! Đó gọi là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người trí thế gian, tức là Phật, Bồ-tát, tất cả Thánh nhân. Nếu sắc của các Thánh nhân là vô thường, khổ, không, vô ngã, thì tại sao Như Lai nói sắc thân của Phật là thường hằng không biến đổi? Người trí thế gian đã nói là không có pháp, sao Đức Như Lai lại nói là có? Đức Như Lai Thế Tôn nói như vậy sao lại nói là không tranh cãi với thế gian, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm? Như Lai đã xa lìa ba thứ điên đảo, đó là điên đảo về tướng điên đảo về tâm và điên đảo về kiến, thì lẽ ra nói sắc thân của Phật là vô thường. Nay mới nói là thường, vậy sao gọi là xa lìa điên đảo không tranh cãi với thế gian?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Sắc thân của phàm phu từ phiền não mà sinh, nên người trí nói sắc thân là vô thường, khổ, không, vô ngã. Sắc thân của Như Lai là xa lìa phiền não, nên nói là thường hằng không biến đổi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là sắc từ phiền não mà sinh?

–Này thiện nam! Phiền não có ba loại: đó là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Người trí lẽ ra phải quán sát tội lỗi của ba thứ lậu này. Vì sao? Vì biết tội lỗi rồi thì có thể xa lìa. Như thầy thuốc trước xem mạch, xem bệnh, biết bệnh thế nào rồi sau mới cho thuốc. Này thiện nam! Như dốt người mù đến trong rừng gai bỏ đó mà trở về, người mù này sau đó rất khó mà ra khỏi; giả sử ra được thì thân thể cũng rách xước hết. Phàm phu thế gian cũng như vậy, vì không thể thấy biết tội lỗi của ba thứ lậu nên đi theo. Nếu người nào thấy được thì có thể xa lìa. Người biết tội lỗi rồi, tuy vẫn thọ nhận quả báo,

nhưng quả báo rất nhẹ. Nay thiện nam! Có bốn hạng người: một là khi tạo nghiệp thì nặng, khi nhận quả báo thì nhẹ; hai là khi tạo nghiệp thì nhẹ, khi nhận quả báo thì nặng; ba là khi tạo nghiệp thì nặng, khi nhận quả báo cũng nặng; bốn là khi tạo nghiệp nhẹ và khi nhận quả báo cũng nhẹ. Nay thiện nam! Như người có thể quán sát tội lỗi của phiền não thì người ấy tạo nghiệp và nhận quả báo đều nhẹ. Nay thiện nam! Người có trí nghĩ: “Ta nên xa lìa các lậu như vậy, lại không nên gây tạo những nghiệp xấu xa như vậy. Vì sao? Vì nay ta chưa được giải thoát quả báo nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời. Nếu ta tu đạo phải nương vào sức này để phá hoại các sự khổ. Suy nghĩ như vậy rồi thì tham dục, sân hận, ngu si nhẹ bớt. Người này thấy tham dục, sân hận, ngu si của mình nhẹ rồi nên lòng rất vui mừng”. Lại nghĩ như vậy: “Nay ta được như vậy đều là do sức nhân duyên tu đạo, khiến ta được xa lìa pháp bất thiện, gần gũi với pháp thiện, nên hiện tại được thấy chánh đạo, ta phải siêng năng tu tập thêm. Người này nhờ sức siêng năng tu đạo, nên được xa lìa vô lượng các phiền não ác và ra khỏi quả báo nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người và trời”. Vì vậy cho nên, trong kệ kinh Ta nói: Phải quán sát tất cả phiền não của hữu lậu và nhân của hữu lậu. Vì sao? Vì người có trí nếu chỉ quán lậu mà không quán nhân của lậu thì không thể đoạn trừ các phiền não. Vì sao? Vì người trí quán sát lậu từ nhân mà sinh ra, nay đoạn trừ nhân này thì lậu không còn sinh ra. Nay thiện nam! Như thầy thuốc kia trước đoạn trừ nhân của bệnh thì bệnh không còn tái phát. Người trí trước đoạn trừ nhân của phiền não cũng như vậy. Người có trí trước quán sát nhân rồi kế đến mới quán sát quả báo, biết từ nhân lành sinh ra quả báo lành, biết từ nhân ác sinh ra quả báo ác. Quán sát quả báo rồi xa lìa nhân ác. Khi quán quả báo rồi, tiếp theo phải quán sát phiền não nặng hay nhẹ, quán sát nặng hay nhẹ rồi, trước xa lìa phiền não nặng, phiền não nặng đã xa lìa thì phiền não nhẹ tự mất. Nay thiện nam! Người trí nếu biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, biết phiền não nhẹ hay nặng thì khi ấy người này siêng năng tu đạo không ngừng nghỉ, không hối tiếc, gần gũi bạn lành, chí tâm nghe pháp để diệt trừ các phiền não như vậy.

Này thiện nam! Ví như người bệnh tự biết bệnh nhẹ có thể trị lành, tuy uống thuốc đắng nhưng vẫn không hối hận. Người có trí cũng như vậy, siêng năng tu Thánh đạo, luôn vui mừng, không buồn rầu, không dừng nghỉ, không hối tiếc. Này thiện nam! Nếu người có thể biết phiền não, nhân phiền não, quả báo phiền não, biết phiền não nặng hay nhẹ, vì đoạn trừ phiền não nên tu tập Thánh đạo thì người này chẳng do phiền não sinh; sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu không thể biết phiền não, nhân phiền não, quả báo phiền não, phiền não nhẹ hay nặng, không siêng năng tu Thánh đạo thì người này từ phiền não sinh ra; sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Này thiện nam! Người biết phiền não, nhân phiền não, quả báo phiền não, biết phiền não nặng hay nhẹ, vì đoạn trừ phiền não mà tu đạo, tức là Như Lai. Do nhân duyên này nên sắc thân của Như Lai là thường trụ, cho đến thức cũng thường trụ. Này thiện nam! Người không biết phiền não, nhân phiền não, quả báo phiền não, không biết phiền não nặng hay nhẹ, không thể tu đạo tức là phàm phu. Vì vậy nên sắc thân của phàm phu là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Này thiện nam! Người trí thế gian, tất cả Thánh nhân, Bồ-tát, chư Phật đều nói hai nghĩa này, Ta cũng nói hai nghĩa như vậy. Vì vậy nên Ta nói không tranh cãi cùng với người trí thế gian, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói có ba thứ lậu. Thế nào gọi là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Dục lậu là giác quán ác bên trong nhân vào duyên bên ngoài mà sinh ra dục lậu. Vì vậy nên ngày trước Ta ở thành Vương-xá bảo A-nan: “Này A-nan! Nay ông thọ nhận bài kệ tụng của cô gái này nói. Bài kệ đây là lời nói của chư Phật quá khứ”. Do đây nên tất cả giác quán ác bên trong, các nhân duyên bên ngoài gọi là dục. Đây là dục lậu.

Hữu lậu là, các pháp ác ở bên trong, các duyên ở bên ngoài của cõi Sắc và cõi Vô sắc, trừ các duyên ở bên ngoài và các giác

quán ở bên trong của cõi Dục, gọi là hữu lậu.

Vô minh lậu là, không thể hiểu biết người và ngã sở, không phân biệt được trong và ngoài gọi là vô minh lậu.

Này thiện nam! Vô minh là cội gốc của tất cả các lậu. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh, do vô minh nên đối với ấm, nhập giới nhờ nghĩ khởi tướng gọi là chúng sinh. Đây gọi là tướng đảo, tâm đảo, kiến đảo; do nhân duyên này mà sinh ra tất cả các lậu. Vì vậy nên trong Mười hai bộ loại kinh Ta nói vô minh là nhân của tham, sân, si.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xưa kia trong mười hai bộ loại kinh, Như Lai nói, do không khéo tư duy nên sinh ra tham dục, sân giận và ngu si. Nay do duyên gì mà nói là vô minh?

–Này thiện nam! Hai pháp này làm nhân quả cho nhau và tăng trưởng lẫn nhau. Vì tư duy bất thiện mà sinh ra vô minh, do vô minh nên tư duy bất thiện. Này thiện nam! Hai pháp ấy là có thể sinh trưởng các phiền não, đều gọi là nhân duyên của phiền não, gần gũi nhân duyên phiền não như vậy gọi là vô minh. Tư duy bất thiện giống như hạt giống nảy mầm. Hạt giống là nhân gần, bốn đại là nhân xa; phiền não cũng như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói vô minh tức là lậu. Sao lại nói do vô minh nên sinh ra các lậu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như Ta đã nói vô minh lậu là nội vô minh, do vô minh mà sinh ra các lậu thì đó là nhân nội ngoại. Nếu nói vô minh lậu là nội đảo thì chẳng biết vô thường, khổ, không, vô ngã. Nếu nói tất cả phiền não là nhân duyên thì gọi là không biết ngã và ngã sở ngoài. Nếu nói vô minh lậu là vô thủ vô chung thì từ vô minh sinh ra các ấm, nhập, giới.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, người có trí biết nhân của lậu, vậy thế nào gọi là biết nhân của lậu?

Này thiện nam! Người trí quán sát: Do nhân duyên gì mà sinh

ra các phiền não này? Tạo nghiệp gì mà sinh ra các phiền não này? Trong thời kỳ nào mà sinh ra phiền não này? Khi ở chung với ai mà sinh ra phiền não này? Ở chỗ nào mà sinh ra phiền não này? Quán sát việc gì mà sinh ra phiền não này? Thọ nhận nhà cửa, đồ nằm, thức ăn uống, y phục, thuốc thang của ai mà sinh ra phiền não? Do duyên gì mà chuyển hạ làm trung, chuyển trung làm thượng? Nghiệp hạ làm trung, nghiệp trung làm thượng? Đại Bồ-tát khi quán sát như vậy thì được xa lìa nhân duyên sinh ra các lậu. Khi quán sát như vậy thì các phiền não chưa sinh ngăn dừng cho sinh, các phiền não sinh rồi thì liền được trừ diệt. Vì vậy nên ở trong kệ kinh Ta nói, người trí nên quán sát nhân duyên sinh ra các phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh có một thân làm sao có thể khởi ra các phiền não?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như trong một đồ chứa có nhiều thứ hạt giống, khi gặp được nước mưa, mỗi thứ tự mọc lên. Chúng sinh cũng vậy, thân tuy là một nhưng do nhân duyên tham ái nên có thể sinh trưởng các phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người trí quán sát quả báo như thế nào?

–Này thiện nam! Người trí nên quán sát nhân duyên của các lậu có thể sinh nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; do nhân duyên lậu đó mà được thân trời, người, tức là vô thường, khổ, không, vô ngã. Trong thân này có ba thứ khổ, ba thứ vô thường. Nhân duyên của các lậu này có thể khiến chúng sinh tạo tội ngũ nghịch, chịu các quả báo, có thể đoạn trừ các căn lành, phạm bốn tội nặng, phỉ báng Tam bảo. Người trí nên quán sát: Ta đã được thân như vậy rồi thì không nên sinh khởi các phiền não như vậy để chịu các quả báo ác.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có quả vô lậu. Lại nói người trí đoạn trừ các quả báo, vậy quả báo vô lậu này có ở trong số đoạn trừ không? Những người đắc đạo, có quả vô lậu, như người trí kia cầu quả vô

lậu, tại sao Đức Phật lại nói tất cả người trí nên đoạn trừ quả báo? Nếu dứt trừ quả báo thì làm sao ngày nay có được các bậc Thánh nhân?

–Này thiện nam! Có khi Đức Như Lai ở trong nhân mà nói quả, trong quả mà nói nhân. Như người đời nói đất sét tức là bình, lụa tức là áo, đó gọi là trong nhân mà nói quả. Trong quả mà nói nhân là, bò chính là nước và cỏ, người tức là thức ăn; Ta cũng như vậy, ở trong nhân mà nói quả. Như trong các kinh trước kia Ta thường nói: “Ta từ nơi tâm mà vận thân đến cõi Phạm Thiên”. Đó gọi là trong nhân mà nói quả, trong quả mà nói nhân. Sáu nhập này gọi là nghiệp quá khứ, đó gọi là trong quả mà nói nhân. Này thiện nam! Thật ra tất cả Thánh nhân không có quả báo vô lậu, nhưng vì tất cả Thánh nhân tu tập Thánh đạo nên được quả báo không còn sinh các lậu. Vì vậy nên gọi là quả báo vô lậu. Này thiện nam! Khi người có trí quán sát như vậy thì liền dứt hẳn quả báo phiền não. Này thiện nam! Người trí quán sát như vậy rồi, vì dứt trừ quả báo phiền não như thế mà tu tập Thánh đạo. Thánh đạo ấy là không, vô tướng và vô nguyện. Tu tập Thánh đạo này rồi thì có thể diệt trừ tất cả các quả báo của phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh đều do phiền não mà có quả báo. Nói phiền não chính là ác. Phiền não từ phiền não ác sinh ra cũng gọi là ác. Phiền não như vậy có hai loại: một là nhân, hai là quả. Vì nhân ác nên quả ác, vì quả ác nên nhân ác. Như trái Nhâm-bà, vì hạt nó đắng nên hoa, trái, cây, tất cả đều đắng. Như cây độc, vì hạt nó độc nên quả cũng độc. Nhân chúng sinh nên quả cũng chúng sinh, nhân phiền não quả cũng phiền não; nhân quả phiền não tức là chúng sinh, chúng sinh tức là nhân quả phiền não. Nếu từ nghĩa này thì tại sao trước kia Đức Như Lai dụ núi Tuyết cũng có cỏ độc và cũng có cây thuốc hay. Nếu nói phiền não tức là chúng sinh, chúng sinh tức là phiền não, tại sao lại nói trong thân chúng sinh có thuốc hay?

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Vô lượng chúng sinh đều đồng nghi như vậy. Nay ông có thể vì chúng sinh mà thỉnh cầu giải nói. Ta cũng có thể giải nói để dứt trừ nghi ngờ. Lắng nghe! Lắng nghe! Ông phải khéo suy nghĩ và ghi nhớ. Nay Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói. Này thiện nam! Núi Tuyết dụ cho chúng sinh, cỏ độc dụ cho phiền não, cây thuốc hay dụ cho phạm hạnh thanh tịnh. Này thiện nam! Có chúng sinh nào có thể tu phạm hạnh thanh tịnh thì gọi là trong thân có thuốc hay.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chúng sinh có phạm hạnh thanh tịnh?

–Này thiện nam! Giống như trong thế gian từ hạt mà sinh ra quả. Quả này có thể sinh làm nhân cho hạt, có loại không thể sinh, có loại có thể đó gọi là quả hạt. Nếu không thể sinh ra thì chỉ được gọi là quả, không gọi là hạt. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, đều có hai loại: một là có quả phiền não là nhân phiền não, hai là có quả phiền não chẳng phải nhân phiền não. Quả phiền não chẳng phải nhân phiền não gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Này thiện nam! Chúng sinh quán sát thọ, biết nhân gần của tất cả phiền não, đó là phiền não trong và phiền não ngoài. Vì nhân duyên thọ này nên không thể đoạn tuyệt tất cả các phiền não, cũng không thể ra khỏi lao ngục trong ba cõi. Chúng sinh nhân nơi thọ mà chấp là có ngã và ngã sở, sinh ra tâm điên đảo, tưởng điên đảo và kiến điên đảo. Vì vậy nên chúng sinh trước phải quán sát thọ. Thọ này là nhân gần của tất cả ái. Vì vậy nên người trí muốn đoạn trừ ái trước phải quán sát thọ.

Này thiện nam! Việc tạo tác thiện ác trong mười hai nhân duyên của tất cả chúng sinh đều là nhân khi thọ. Vì vậy nên Ta vì A-nan mà nói: “Này A-nan! Tất cả chúng sinh khi tạo nghiệp thiện ác đều là do khi thọ”. Nên người trí trước phải quán sát thọ. Đã quán sát thọ rồi lại phải quán thọ này do đâu mà sinh ra? Nếu do nhân duyên sinh ra thì nhân duyên lại từ đâu mà sinh? Nếu không nhân mà sinh thì không nhân ấy sao chẳng sinh không thọ? Lại quán thọ

này chẳng do trời Tự Tại sinh, chẳng do sĩ phu sinh, chẳng do vi trần sinh, chẳng phải do thời tiết sinh, chẳng do tướng sinh, chẳng do tánh sinh, chẳng phải tự sinh, chẳng phải tha sinh, chẳng phải tự tha sinh, chẳng phải không nhân sinh. Thọ này từ các duyên hợp lại mà sinh, nhân duyên đây tức là ái. Trong hòa hợp này chẳng phải có thọ, chẳng phải không thọ. Do đó Ta phải dứt trừ sự hòa hợp. Vì dứt trừ hòa hợp nên không sinh thọ.

Này thiện nam! Người trí đã quán nhân rồi lại quán quả báo. Chúng sinh do nơi thọ mà chịu vô lượng khổ não nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho đến trong ba cõi. Vì nhân duyên thọ này mà nhận sự vui vô thường, vì nhân duyên thọ mà đoạn trừ căn lành, vì nhân duyên thọ mà được giải thoát. Khi quán sát như vậy thì không làm nhân cho thọ. Thế nào gọi là không làm nhân cho thọ? Nghĩa là phân biệt thọ: những thọ nào có thể làm nhân cho ái? Những ái nào có thể làm nhân cho thọ? Này thiện nam! Nếu chúng sinh nào có thể quán sát rành rẽ nhân của ái, nhân của thọ như vậy thì liền có thể đoạn trừ được ngã và ngã sở. Này thiện nam! Người nào có thể quán như vậy, thì nên phân biệt ái cùng thọ diệt trừ ở đâu? Liền thấy ái và thọ có diệt trừ một ít, do đó nên biết cũng sẽ có sự diệt trừ hoàn toàn. Bấy giờ đối với giải thoát sinh tín tâm. Sinh tín tâm rồi quán thì việc giải thoát này do đâu mà được? Biết là từ tám Thánh đạo nên liền tu tập. Thế nào gọi là tám Thánh đạo? Đạo là quán sát thọ có ba tướng: một là khổ, hai là vui, ba là không khổ không vui. Ba tướng này đều có thể làm cho thân và tâm tăng trưởng. Do duyên gì mà có thể tăng trưởng? Do xúc làm duyên. Xúc có ba loại: một là vô minh xúc, hai là minh xúc, ba là chẳng phải minh, chẳng phải vô minh xúc. Minh xúc tức là tám Thánh đạo. Ngoài ra hai xúc kia thì tăng trưởng thân, tâm và ba thứ thọ. Do đó Ta phải dứt trừ hai loại xúc này, vì xúc đã dứt trừ nên không sinh ba thọ. Này thiện nam! Thọ này cũng gọi là nhân, cũng gọi là quả. Người trí phải quán sát vừa nhân vừa quả. Thế nào gọi là nhân? Nhân thọ mà sinh ra ái, gọi là nhân. Thế nào gọi là quả? Nhân nơi xúc mà sinh ra nên gọi là quả. Vì vậy nên thọ này cũng là nhân cũng là quả. Người trí quán sát thọ như vậy rồi, tiếp đến quán sát ái. Quả báo của thọ gọi là ái. Người

trí quán sát ái lại có hai thứ: một là tạp thực, hai là vô thực. Ái tạp thực thì nhờ vào sinh, già, bệnh, chết, tất cả các cõi. Ái vô thực thì dứt trừ sinh, già, bệnh, chết, tất cả các cõi, ưa thích đạo vô lậu. Người trí lại phải nghĩ như vậy: “Nếu ta sinh ái tạp thực thì không thể dứt trừ sinh, già, bệnh, chết. Nay tuy ta thích đạo vô lậu mà không dứt trừ nhân của thọ thì không thể đạt được đạo quả vô lậu. Cho nên trước phải dứt trừ xúc. Xúc đã dứt rồi thì thọ tự diệt, thọ đã diệt thì ái cũng diệt theo. Đó gọi là tám Thánh đạo”.

Này thiện nam! Chúng sinh nào có thể quán sát như vậy, thì tuy có thân độc nhưng trong đó cũng có thuốc hay. Như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay. Này thiện nam! Những chúng sinh như vậy tuy từ phiền não mà được quả báo nhưng quả báo này lại không còn làm nhân sinh phiền não, đó gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Người trí phải quán sát hai thứ thọ và ái do duyên gì mà sinh ra, biết là do tướng sinh. Vì sao? Vì chúng sinh khi thấy sắc cũng chẳng sinh tham và khi quán sát thọ cũng chẳng sinh tham. Nếu đối với sắc mà sinh tưởng điên đảo thì cho rằng sắc tức là thường, lạc, ngã, tịnh. Thọ là thường hằng không biến đổi. Do tưởng điên đảo này mà sinh tham, sân, si. Nên người trí phải quán sát tướng. Thế nào gọi là quán sát tướng? Nên nghĩ: Tất cả chúng sinh lúc chưa chứng đạo đều có tướng điên đảo. Thế nào gọi là tướng điên đảo? Đối với cái chẳng phải thường mà sinh tưởng thường; đối với cái chẳng phải lạc mà sinh tưởng lạc; đối với cái chẳng phải ngã mà sinh tưởng ngã; đối với cái chẳng phải tịnh mà sinh tưởng tịnh; đối với pháp không sinh tưởng ngã; chẳng phải nam, nữ; lớn, nhỏ; sáng, tối; năm, tháng, y phục, nhà cửa, đồ nằm mà sinh tưởng nam nữ v.v... cho đến đồ nằm. Tướng đó có ba thứ: một là nhỏ, hai là lớn, ba là vô lượng. Vì nhân duyên nhỏ nên sinh ra tưởng nhỏ, vì nhân duyên lớn nên sinh ra tưởng lớn, vì duyên vô lượng nên sinh tưởng vô lượng. Lại có tướng nhỏ nghĩa là chưa nhập định, tướng lớn nghĩa là đã nhập định rồi, lại có tướng vô lượng nghĩa là mười nhất thiết nhập. Lại có tướng nhỏ nghĩa là tất cả các tướng của cõi Dục, lại có tướng lớn nghĩa là tất cả các tướng của cõi Sắc, lại có tướng

vô lượng nghĩa là tất cả các tướng của cõi Vô sắc. Vì ba tướng diệt nên thọ tự diệt, vì tướng thọ diệt nên gọi là giải thoát.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Diệt tất cả các pháp gọi là giải thoát, sao Như Lai nói tướng thọ diệt gọi là giải thoát?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Có khi Như Lai nhân vào chúng sinh mà nói pháp, người nghe hiểu được pháp. Hoặc có khi nhân vào pháp mà nói chúng sinh, người nghe cũng hiểu là nói chúng sinh. Sao gọi là nhân nơi chúng sinh mà nói người nghe hiểu được pháp? Như trước kia Ta vì Đại Ca-diếp nói: “Này Đại Ca-diếp! Khi chúng sinh diệt thì pháp thiện cũng diệt”. Đó gọi là nương nơi chúng sinh mà nói pháp, người nghe hiểu được. Sao gọi là nhân nơi pháp mà nói chúng sinh, người nghe cũng hiểu là nói chúng sinh? Như trước kia Ta vì Anan nói: “Ta cũng chẳng nói gần gũi tất cả các pháp, lại cũng chẳng nói là không gần gũi tất cả các pháp. Nếu đã gần các pháp mà pháp thiện kém suy, pháp bất thiện tăng trưởng thì pháp như vậy không nên gần gũi. Nếu đã gần pháp nào rồi mà pháp bất thiện kém suy pháp thiện tăng trưởng thì pháp như vậy nên gần gũi”. Đây gọi là nhân nơi pháp mà nói chúng sinh, người nghe cũng hiểu là chúng sinh.

Này thiện nam! Như Lai tuy nói hai loại tướng và thọ diệt nhưng đã tổng nói tất cả có thể đoạn diệt. Người trí đã quán tướng như vậy rồi, kể đến quán nhân của tướng. Vô lượng tướng này nhân đâu mà sinh. Biết là nhân vào xúc mà sinh. Xúc có hai loại: một là do phiền não mà có xúc, hai là do giải thoát mà có xúc. Do vô minh sinh nên gọi là phiền não xúc, do minh sinh nên gọi là giải thoát xúc. Do phiền não xúc sinh nên tướng điên đảo, do giải thoát xúc sinh nên tướng không điên đảo. Quán sát nhân của tướng rồi kể đến quán sát quả báo.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu vì nhân nơi tướng phiền não này mà sinh ra tướng điên đảo thì tất cả Thánh nhân thật có tướng điên đảo mà

không có phiền não. Nghĩa này như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Thế nào là Thánh nhân có tướng diên đảo?

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả Thánh nhân, con bò tướng là bò, cũng nói là bò; con ngựa tướng là ngựa, rồi cũng nói là ngựa; nam nữ, lớn nhỏ, nhà cửa, xe cộ, đi lại cũng vậy. Đó gọi là tướng diên đảo.

–Này thiện nam! Tất cả phàm phu có hai loại tướng: một là tướng thế lưu hành khắp, hai là tướng chấp trước. Tất cả Thánh nhân chỉ có tướng thế lưu hành khắp, không có tướng chấp trước. Tất cả phàm phu vì giác quán ác nên đối với tướng thế lưu hành khắp mà sinh ra tướng chấp trước. Tất cả Thánh nhân vì giác quán thiện nên đối với thế lưu hành khắp không sinh tướng chấp trước cho nên phàm phu gọi là tướng diên đảo. Thánh nhân tuy biết nhưng không gọi là tướng diên đảo. Người trí quán sát nhân của tướng như vậy rồi, kể đến quán sát quả báo: quả báo của tướng ác này thọ nhận ở trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời và người. Như Ta vì dứt trừ giác quán ác nên vô minh xúc dứt cho nên tướng dứt. Vì tướng dứt nên quả báo cũng dứt. Người trí vì dứt nhân của tướng như vậy nên tu tám Thánh đạo. Này thiện nam! Nếu ai quán sát được như vậy thì được gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Này thiện nam! Đó gọi là trong thân độc của chúng sinh có thuốc hay, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay.

Lại nữa, này thiện nam! Người trí quán sát dục. Dục tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Này thiện nam! Như Lai ở trong nhân mà nói quả, vì từ năm trần này mà sinh ra dục, thật chẳng phải dục. Này thiện nam! Như người ngu si vì tham cầu thọ dục nên đối với sắc sinh tướng diên đảo, cho đến đối với xúc cũng sinh tướng diên đảo. Do tướng diên đảo làm nhân nên sinh ra thọ. Vì vậy nên thế gian nói rằng nhân nơi tướng diên đảo mà sinh ra mười loại tướng. Do dục làm nhân nên ở trong thế gian chịu quả báo ác. Đem điều ác hại cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn v.v... điều không đáng làm mà cố ý làm chẳng tiếc thân mạng. Vì vậy nên người trí quán sát là do nhân

duyên tưởng ác nên sinh ra tâm ham muốn. Người trí quán sát nhân của dục như vậy rồi kế đến quán sát quả báo. Dục này có nhiều quả báo ác, đó là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, loài người, trời. Đó là quán sát quả báo. Nếu tưởng ác được trừ diệt thì không bao giờ sinh tâm ham muốn này. Vì không có tâm ham muốn nên không lãnh chịu thọ ác, vì không thọ ác nên không có quả báo ác. Do đây nên trước Ta dứt tưởng ác, dứt tưởng ác rồi thì các pháp ác khác tự nhiên dứt. Do đó nên người trí vì dứt tưởng ác nên tu tám Thánh đạo, đó gọi là phạm hạnh thanh tịnh, cũng gọi là trong thân độc của chúng sinh, có thuốc hay, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay.

Lại nữa, này thiện nam! Người trí quán sát dục như vậy rồi, kế đến phải quán sát nghiệp. Vì sao? Người có trí phải nghĩ: Thọ, tưởng, dục và xúc tức là phiền não. Phiền não này có thể tạo ra sinh nghiệp mà không tạo ra thọ nghiệp. Phiền não này cùng đi với nghiệp thì có hai loại: một là tạo sinh nghiệp, hai là tạo thọ nghiệp. Cho nên người trí phải quán sát nghiệp. Nghiệp có ba, đó là thân, miệng và ý. Này thiện nam! Hai nghiệp thân và miệng cũng gọi là nghiệp và cũng gọi là nghiệp quả. Chỉ có ý gọi là nghiệp chẳng gọi là quả. Vì là nhân của nghiệp nên gọi là nghiệp. Này thiện nam! Hai nghiệp thân và miệng gọi là nghiệp ở ngoài, ý nghiệp gọi là nghiệp bên trong. Ba thứ nghiệp này đi chung với phiền não nên sinh ra hai loại nghiệp: một là sinh nghiệp, hai là thọ nghiệp. Này thiện nam! Chánh nghiệp tức là ý nghiệp, ký nghiệp tức là nghiệp thân và miệng. Phát sinh ra trước gọi là ý nghiệp, từ ý nghiệp sinh ra gọi là nghiệp của thân và miệng. Cho nên ý nghiệp được gọi là chánh. Người trí quán sát nghiệp rồi, kế đến quán sát nhân của nghiệp. Nhân nghiệp tức là vô minh xúc. Do vô minh xúc mà chúng sinh cấu hữu. Nhân duyên cấu hữu tức là ái, do nhân duyên của ái nên tạo ra ba loại nghiệp thân, miệng và ý. Này thiện nam! Người trí quán sát nhân của nghiệp như vậy rồi, kế đến quán sát quả báo. Quả báo có bốn: một là quả báo hắc hắc, hai là quả báo bạch bạch, ba là quả báo tạp tạp, bốn là quả báo chẳng hắc chẳng bạch chẳng hắc chẳng bạch. Quả báo hắc hắc là, khi tạo nghiệp cấu nhiễm thì quả báo

cũng cấu nhiễm. Quả báo bạch bạch là, khi tạo nghiệp thanh tịnh thì quả báo cũng thanh tịnh. Quả báo tạp tạp là, khi tạo nghiệp tạp thì quả báo cũng tạp. Quả báo chẳng bạch chẳng hắc chẳng bạch chẳng hắc là nghiệp vô lậu.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước kia Như Lai nói vô lậu không có quả báo, tại sao nay lại nói là quả báo chẳng hắc chẳng bạch?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nghĩa này có hai: một là vừa quả vừa báo, hai là chỉ có quả mà chẳng có báo. Quả báo hắc hắc cũng gọi là quả cũng gọi là báo. Do nhân hắc sinh nên được gọi là quả, có thể làm nhân nên gọi là báo.

Nghiệp tịnh và nghiệp tạp cũng như vậy. Quả vô lậu là nhân nơi hữu lậu mà sinh ra, nên gọi là quả, nó không làm nhân cho pháp khác nên không gọi là báo. Cho nên gọi là quả mà không gọi là báo.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nghiệp vô lậu này chẳng phải là pháp hắc, do duyên gì mà không gọi là bạch?

–Này thiện nam! Vì không có báo nên không gọi là bạch, vì đối trị hắc nên gọi là bạch. Nay Ta nói thọ quả báo gọi là hắc bạch. Nghiệp vô lậu này chẳng thọ báo nên không gọi là bạch mà gọi là tịch tĩnh. Nghiệp như vậy có chỗ chắc chắn thọ báo, như mười pháp ác chắc chắn là ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; mười nghiệp thiện chắc chắn là ở cõi người và cõi trời. Mười pháp bất thiện có thượng, trung, hạ. Thượng thì thọ thân ở địa ngục, trung thì thọ thân ở súc sinh, hạ thì thọ thân ở ngạ quỷ. Mười nghiệp thiện của loài người lại có bốn loại: một là hạ, hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng. Nghiệp hạ sinh ở cõi Uất-đơn-việt, nghiệp trung sinh ở cõi Phát-bà-đề, nghiệp thượng sinh ở cõi Cù-đà-ni, nghiệp thượng thượng sinh ở cõi Diêm-phù-đề. Người có trí quán sát như vậy rồi, liền nghĩ: “Ta phải làm sao để dứt trừ những quả báo này?”. Lại suy nghĩ: “Nghiệp này do vô minh xúc sinh ra nếu ta dứt trừ vô minh xúc thì nghiệp quả cũng diệt mất không còn sinh”. Cho nên người trí vì

dứt trừ vô minh xúc mà tu tám Thánh đạo, đó gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Đây thiện nam! Đó cũng gọi là trong thân độc của chúng sinh có thuốc hay, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay.

Lại nữa, đây Thiện nam! Người trí quán sát nghiệp và phiền não rồi, kể đến quán sát quả báo của hai thứ này. Quả báo của hai thứ ấy tức là khổ. Đã biết là khổ thì có thể lìa bỏ tất cả sự thọ sinh. Người trí lại quán sát do phiền não sinh ra phiền não, do nghiệp sinh ra phiền não. Lại do phiền não sinh ra nghiệp, do nghiệp sinh ra khổ, do khổ sinh ra phiền não, do phiền não sinh ra hữu, do hữu sinh ra khổ, do khổ sinh ra hữu, do hữu sinh ra nghiệp, do nghiệp sinh ra phiền não, do phiền não sinh ra khổ, do khổ sinh ra nghiệp. Đây thiện nam! Người trí có thể quán sát như vậy thì nên biết người ấy có thể quán sát nghiệp khổ. Vì sao? Vì các điều quán sát trên chính là mười hai nhân duyên sinh tử. Người nào có thể quán sát mười hai nhân duyên sinh tử như vậy, thì nên biết người này chẳng tạo nghiệp mới, mà có thể hủy bỏ nghiệp cũ. Đây thiện nam! Người trí quán sát sự khổ nơi địa ngục, quán sát từ một địa ngục cho đến một trăm ba mươi sáu chỗ. Mỗi mỗi địa ngục có đủ các thứ khổ, đều do nghiệp phiền não sinh ra. Quán địa ngục rồi, kể đến quán sát các sự khổ của ngạ quỷ, súc sinh. Quán sát rồi, lại quán sát những sự khổ trong loài người và cõi trời. Các sự khổ như vậy đều từ nghiệp phiền não sinh ra. Đây thiện nam! Ở cõi trời tuy không có các sự khổ lớn, nhưng thân thể mềm mại và xương cốt mảnh mai nên khi thấy năm tướng suy hiện ra thì vẫn chịu các sự khổ lớn như các khổ ở địa ngục v.v... không sai khác. Đây thiện nam! Người trí quán sát sâu xa các khổ trong ba cõi đều do nghĩa phiền não sinh ra. Đây thiện nam! Ví như đồ gốm chưa nung thì dễ vỡ, chúng sinh thọ thân này cũng như vậy. Đã thọ thân rồi là đồ chứa các khổ. Giống như cây lớn hoa trái sum suê các loài chim có thể phá hoại, như nhiều cỏ khô nhưng có một chút lửa cũng có thể đốt cháy, chúng sinh thọ thân bị các sự khổ hủy hoại cũng như vậy. Đây thiện nam! Người trí nếu có thể quán sát tám sự khổ như trong hạnh Thánh thì nên biết người ấy có thể đoạn trừ các sự khổ. Đây thiện nam! Người trí quán sát sâu xa tám thứ khổ

rồi, kể đến quán sát nhân của khổ. Nhân của khổ tức là ái vô minh. Ái vô minh có hai thứ: một là cầu thân thể, hai là cầu của cải. Cầu thân thể hay cầu của cải cả hai thứ đều là khổ. Vì vậy nên biết ái vô minh chính là nhân của khổ. Nay thiện nam! Ái vô minh lại có hai thứ: một là nội, hai là ngoại. Nội có thể tạo nghiệp, ngoại có thể tăng trưởng. Lại nữa, nội có thể tạo nghiệp, còn ngoại tạo thành nghiệp quả. Đoạn trừ nội ái rồi thì nghiệp mới dứt, đoạn trừ ngoại ái thì quả mới dứt. Nội ái có thể sinh khổ cho đời sau, ngoại ái thì có thể sinh khổ cho đời này. Người trí quán sát ái chính là nhân của khổ. Đã quán sát nhân rồi, kể đến quán sát quả báo. Quả báo của khổ chính là thủ, quả của ái cũng gọi là thủ. Nhân duyên của thủ tức là nội ái và ngoại ái, do đó nên có khổ ái. Nay thiện nam! Người trí nên quán sát là ái duyên thủ, thủ duyên ái. Nếu ta có thể dứt trừ hai pháp ái và thủ thì không tạo nghiệp thọ khổ. Vì vậy nên người trí vì dứt trừ ái khổ nên tu tám Thánh đạo. Nay thiện nam! Người nào có thể quán sát như vậy thì gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Đó gọi là trong thân độc của chúng sinh có thuốc hay, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng vẫn có cây thuốc hay.

